

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỐNG NHẤT  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **56/2022/HNGĐ-ST**  
Ngày 31-8-2022  
V/v: “*Ly hôn*”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thanh Xuân

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Trọng Hiếu

2. Ông Trương Công Đức

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Việt Dũng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 403/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022, về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Hoắc Thị KP**, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: 174/1, ấp 2, xã X, huyện TN, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1960.

Địa chỉ: 174/1, ấp 2, xã X, huyện TN, tỉnh Đồng Nai.

(Bà P, ông T có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh Thúy trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoắc Thị KP và ông Nguyễn Văn T kết hôn với nhau từ năm 1988 tại ấp 2, xã X, huyện TN, tỉnh Đồng Nai. Ông bà có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn, hôn nhân là tự nguyện. Ông bà chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và lối sống nên dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi vã, bất hòa. Để tránh mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn, ông bà quyết định sống ly thân mặc dù sống chung một nhà nhưng mỗi người đều có cuộc sống riêng không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau nữa. Nay nhận thấy tình cảm với ông T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có sinh được 02 (hai) người con chung là Nguyễn T, sinh ngày 16/10/1989 và Nguyễn T2, sinh ngày 17/10/1994. Hiện các con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Theo bà P trình bày là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Theo bà P trình bày là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Theo bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Hoắc Thị KP kết hôn với nhau từ năm 1988, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn, hôn nhân tự nguyện. Ông và bà chung sống hạnh phúc từ khi kết hôn đến đầu năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và lối sống nên dẫn đến vợ chồng xảy ra bất hòa, ông và bà cũng đã nhiều lần cố gắng hòa giải hàn gắn đoàn tụ nhưng không thể dung hòa được. Nay bà P yêu cầu ly hôn thì ông nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đồng ý ly hôn với bà P.

Về con chung: Ông và bà P có 02 người con chung là Nguyễn T, sinh ngày 16/10/1989 và Nguyễn T2, sinh ngày 17/10/1994. Hiện các con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Theo ông T trình bày là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Theo ông T trình bày là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện theo đúng quy định. Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà P, ông T .

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà P. Về con chung: Có 02 người con chung là Nguyễn T, sinh ngày 16/10/1989 và Nguyễn T2, sinh ngày 17/10/1994. Hiện các con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không đặt ra giải quyết. Bà P phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:**

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn*”; bị đơn đang cư trú tại 174/1, ấp 2, xã X, huyện TN, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt đương sự:*

Nguyên đơn bà Hoắc Thị KP và bị đơn ông Nguyễn Văn T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự giải quyết vụ án theo thủ tục chung, xử vắng mặt bà P, ông T .

[2] **Về nội dung vụ án:**

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Hoắc Thị KP và ông Nguyễn Văn T kết hôn với nhau từ năm 1988 được Ủy ban nhân xã X, huyện TN, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 111/88 ngày 09/12/1988 nên áp dụng Điều 6, Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Theo bà P và ông T đều thừa nhận sau khi kết hôn một thời gian thì vợ chồng đã bắt đầu xảy tranh cãi và bất hòa. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống và lối sống, ông bà đã nhiều lần nói chuyện, tâm sự để vợ chồng thấu hiểu, thông cảm nhau hơn nhưng vẫn không cải thiện được mà mâu thuẫn ngày một trầm trọng hơn, sau nhiều lần cố gắng hòa giải hàn hẩn, đoàn tụ không thành ông bà đã thống nhất quyết định sống ly thân, hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau nữa. Nay bà P xin ly hôn thì ông T xét thấy tình cảm với bà P không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T đồng ý ly hôn, đây là sự tự nguyện của các bên và không vi phạm pháp luật nên ghi nhận. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P.

[2.2] *Về con chung:* Bà P và ông T có 02 (hai) con chung là Nguyễn T, sinh ngày 16/10/1989 và Nguyễn T2, sinh ngày 17/10/1994. Hiện các con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung:* Theo bà P, ông T trình bày là không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] *Về nợ chung:* Theo bà P, ông T trình bày trình bày là không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí:* Bà P phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] *Về quyền kháng cáo:* Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 8 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986; Điều 51, Điều 56 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoắc Thị KP;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoắc Thị KP được ly hôn với ông Nguyễn Văn T .

2. Về con chung: Bà P và ông T có 02 (hai) con chung là Nguyễn T, sinh ngày 16/10/1989 và Nguyễn T2, sinh ngày 17/10/1994. Hiện các con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Hoắc Thị KP phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0008752 ngày 20/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Nơi nhận:*

- Các đương sự;
- VKS huyện Thống Nhất;
- UBND phường (xã) nơi cư trú;
- Lưu HS, VP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Thị Thanh Xuân**